

Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của sinh viên khi tham gia mô hình học tập kết hợp

Trần Minh Châu*, Nguyễn Thị Thuý*

*GV. Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Received: 7/1/2023; Accepted: 12/1/2023; Published: 17.1.2023

Abstract: Blended learning is helping to improve teaching and learning, providing learners with a diverse learning environment, making information accessible regardless of time and place, and stimulating creativity in teaching methodology. Motivation is an essential factor that largely decides learners' success in learning a language in general and English in particular. This study was conducted to (1) determine factors that affect students' motivation to learn English in blended learning, identify student's awareness about these factors as well as (2) give recommendations to students, teachers, and institutions to maximize the potential of blended learning. For data collection, a survey questionnaire was sent to students of 6 different programs in National Economics University and quantitative results were analyzed with the use of Google Forms and Excel. Meanwhile, qualitative results were analyzed with reference to blended learning and motivation. Findings of the research can be divided into three main parts namely student factors, teacher factors, and institution factors. The study also points out barriers that students face when applying blended learning and gives meaningful recommendations to students, teachers, and institutions.

Keywords: blended learning, intrinsic motivation, extrinsic motivation, technology

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và giáo dục đại học (GDĐH). “Giáo dục 4.0 có sự thay đổi rõ rệt về mục tiêu và phương pháp đào tạo, chuyển từ truyền thụ kiến thức đại trà sang khơi dậy tiềm năng, trao quyền sáng tạo cho từng cá nhân” [1]. Sự phổ biến rộng rãi của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) cũng đã biến các tổ chức GDĐH thành môi trường học tập đa lựa chọn hỗ trợ trải nghiệm học tập trên lớp và cải thiện việc học tập dựa trên sở thích cá nhân, không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm [2]. Ngoài ra, PPDH đã được thay đổi từ lấy người dạy làm trung tâm sang lấy người học làm trung tâm và nhờ tích hợp CNTT & TT, giáo viên được hỗ trợ để đạt được kết quả giáo dục mong muốn. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các phương thức khác nhau hiện nay được coi là một hình thức đào tạo hiện đại. là sự kết hợp giữa phương pháp học tập (PPHT) truyền thống với việc tích hợp ứng dụng CNTT trong đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách hỗ trợ SV tiếp thu kiến thức một cách chủ động, tiết kiệm chi phí học tập cũng như rút ngắn khoảng cách không gian, địa lý giữa GV và SV [3].

Mặc dù hình thức HTKH được đánh giá là có nhiều ưu điểm hơn so với học trực tuyến hoàn toàn hay học trực tiếp truyền thống nhưng việc chủ động triển khai mô hình học tập kết hợp vẫn chưa được chú

trọng. Trong quá trình triển khai cũng nảy sinh nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến động cơ học tập (ĐCHT) của SV, v.v. [5]

Học tiếng Anh bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bao gồm cả ĐL. ĐL là yếu tố quyết định phần lớn đến thành công của người học trong học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Người học sẽ cảm thấy không có ĐL và khó học tiếng Anh trừ khi họ tìm thấy hứng thú và ĐL học tập (ĐLHT). Do đó, hiểu được mối quan hệ giữa động cơ và tác động của nó đối với việc học tiếng Anh sẽ giúp GV giảng dạy hiệu quả. Tuy nhiên, xác định và áp dụng cấu trúc của động cơ trong dạy và học là một trong những vấn đề phức tạp nhất trong dạy học [6]. Cũng đã có một số nghiên cứu về tạo động cơ học tập (ĐCHT) cho người học. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu đều tập trung vào ĐCHT của người học đối với hình thức học trực tiếp (offline) truyền thống. Nghiên cứu về các yếu tố tạo ĐL cho SV học tiếng Anh trong HTKH còn rất hạn chế. Bài viết sẽ làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT tiếng Anh của SV khi áp dụng phương pháp HTKH.

Nghiên cứu này đi sâu tìm hiểu và trả lời các câu hỏi: (1) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến ĐLHT tiếng Anh cho SV khi tham gia mô hình HTKH?, (2) Cần phải làm gì để nâng cao ĐLHT tiếng Anh của SV khi tham gia mô hình HTKH?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Công cụ nghiên cứu: Xây dựng bảng câu hỏi khảo sát được tiến hành theo hai giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên liên quan đến việc xem xét tài liệu khám phá hai khái niệm chính của nghiên cứu này, HTKT và ĐL, đặc điểm và lợi ích cũng như thách thức của chúng. Các yếu tố được xác định đã được sử dụng để định hình bảng câu hỏi trong giai đoạn thứ hai của nghiên cứu.

Trong giai đoạn thứ hai, để thu thập dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của SV trong HTKH, một bảng câu hỏi trực tuyến được thiết kế trên Google Forms. Việc xây dựng bảng câu hỏi khảo sát được thực hiện trong ba phần. Phần đầu tiên cung cấp thông tin cơ bản về người trả lời, phần thứ hai bao gồm các câu hỏi để tìm hiểu về ĐL của SV và phần thứ ba là về HTKH và ĐL của SV trong HTKH. Bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert với 5 lựa chọn: (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Chưa quyết định, (4) Đồng ý và (5) Rất đồng ý. Ngoài ra còn có một câu hỏi mở để thu thập các đề xuất của SV về việc nâng cao ĐLHT tiếng Anh của SV trong HTKH.

2.1.2. Phân tích dữ liệu: 1). Phân tích kết quả định lượng; 2). Phân tích kết quả định tính

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Các yếu tố về khía cạnh SV

Các phong cách học của SV: Học bằng cách làm, hoặc Vận động xếp hạng cao nhất ở mức 3,5. Rất gần với giá trị trung bình của Vận động là của Nhìn, ở mức 3,25. Hai phong cách học khác được coi là không tạo ĐL như hai phong cách nói trên, là 1,38 cho Nghe và 1,88 cho Đọc/Viết. Từ đó, có thể kết luận SV có thể thích phong cách học này hơn phong cách học khác và việc hạn chế lựa chọn phong cách học có thể dẫn đến việc họ cạn kiệt ĐL để tham gia vào tài liệu khóa học.

Nhận thức và thái độ của SV về ĐLHT: các yếu tố bên ngoài và bên trong đều ảnh hưởng đến động cơ học tiếng Anh của SV. Hai trong ba yếu tố bên ngoài đó được xếp hạng khá cao là yếu tố thứ hai và thứ ba, có ảnh hưởng lớn đến ĐLHT cho HS trong HTKH.

Nhận thức và thái độ của SV về mô hình HTKH: SV khá tích cực về HTKH với nhiều câu trả lời “Đồng ý” và “Rất đồng ý”. Rõ ràng, SV thích sự thuận tiện về thời gian và không gian mà HTKH mang lại cho họ. Ngoài ra, SV thích thú với nhiều nhiệm vụ được giao trong các lớp học ngôn ngữ để tiếp xúc với các bối cảnh khác nhau nơi ngôn ngữ được sử dụng, và do đó, HTKH cho phép SV có những trải nghiệm tương tác và có giá trị cũng như tiếp cận nhiều nguồn

tài nguyên trực tuyến. HTKH cung cấp nhiều hoạt động và tài liệu trực tuyến, vì vậy SV thường giao tiếp tốt hơn và tự tin hơn, cũng như hợp tác tốt hơn với những người khác.

2.2.2. Các yếu tố về giáo viên

Phương pháp giảng dạy: Nhìn chung, kết quả về phương pháp giảng dạy trong HTKH khá đa dạng. Tỷ lệ câu trả lời “Chưa quyết định” khá cao ở tiêu chí 1, 2 và 6. Ngoại trừ câu trả lời “Chưa quyết định”, ta có thể thấy ở 4 tiêu chí (1, 3, 4, 5) tổng tỷ lệ ‘Không đồng ý’ và ‘Rất không đồng ý’ cho mỗi tiêu chí cao hơn so với ‘Đồng ý’ và ‘Rất đồng ý’. Điều ngược lại là đúng ở tiêu chí 6 khi tỷ lệ ‘Đồng ý’ và ‘Rất đồng ý’ cao hơn. Điều này có thể lý giải là do sự xuất hiện đột ngột của dịch Covid 19 khiến nhà trường, giáo viên và học sinh rơi vào thế bị động, chưa chuẩn bị tốt cho việc chuyển đổi từ hình thức dạy và học trực tiếp sang học trực tuyến hoàn toàn.

Chất lượng giảng dạy: Mặc dù có một số tỷ lệ phần trăm cao trong cột “Không quyết định” và “Không đồng ý”, nhưng đặc điểm chung của ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy trong HTKH là “Đồng ý” và “Rất đồng ý”. Có thể thấy rõ điều này ở tiêu chí thứ nhất “HTKH giúp học sinh tiếp cận kiến thức cập nhật, chính xác” và tiêu chí thứ năm “HTKH hỗ trợ tương tác giữa GV và học sinh”, và tiêu chí cuối cùng “HTKH hỗ trợ quản lý và tổ chức các hoạt động của HS”. trong giờ học”.

2.2.3. Các yếu tố về nhà trường

Cơ sở vật chất kỹ thuật: Điểm trung bình cho từng yếu tố Mức độ hài lòng của người dùng, Thiết kế, Cấu hình kỹ thuật và Điều hướng có giá trị khoảng <4>, đại diện cho <Đồng ý>. Điều này có nghĩa là HS đồng ý rằng việc thiết lập công nghệ hiệu quả có vai trò thúc đẩy học sinh tham gia HTKH. Thiết kế có giá trị trung bình cao nhất là 4,74 và tài nguyên trực tuyến có giá trị trung bình thấp nhất là 3,38.

Giao diện học tập: Giao diện học tập hỗ trợ học tập tích hợp là do những ưu điểm mà nó mang lại cho SV. Hơn một nửa số SV (51%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng thông tin được viết rõ ràng và dễ hiểu. Điều này cũng tương tự ở câu #3, với tỷ lệ tương đối thấp hơn, 47% đồng ý và rất đồng ý cho câu #3 “để tra cứu thông tin”. Tuy nhiên, các chức năng được cho là không có thiết kế hấp dẫn, như có thể thấy trong biểu đồ chỉ có 22% đồng ý với câu số 2 và không có ai đánh dấu vào cột ‘Rất đồng ý’. Tương tự, SV cũng cho thấy họ không cho rằng mình được hỗ trợ nhanh chóng khi gặp sự cố với phần mềm, với hơn 50% là “Rất không đồng ý” và “Không đồng ý”.

2.3. Đề xuất biện pháp

2.3.1. Đối với SV

-Phát triển kỹ năng học tập độc lập:Theo Garrison và Kanuka (2004), “trải nghiệm học tập trực tiếp hướng đến giáo viên nhiều hơn, trong khi trải nghiệm học tập trực tuyến tập trung vào nhận thức hoặc nội tâm hơn”. Nguyễn Hoàng Trang (2018) cũng nhấn mạnh rằng HTKH làm thay đổi cấu trúc dạy học theo hướng cá nhân hóa học sinh nhiều hơn. Do đó, để thành công trong HTKH, điều cần thiết là học sinh phải học cách tự học.

-Kỹ năng về CNTT: Yếu tố thứ hai liên quan đến SV là kỹ năng CNTT để giải quyết các vấn đề trên máy tính và Internet, chẳng hạn như yêu cầu về phần mềm bổ sung hoặc rắc rối với hệ thống nộp bài tập. Ngoài ra, làm quen với hệ thống quản lý học tập là điều cần thiết để trải nghiệm học tập của SV suôn sẻ. Đào tạo nhanh hoặc hướng dẫn rõ ràng và giao diện thân thiện với người dùng sẽ hữu ích cho những người cần làm quen với hệ thống.

2.3.2. Đối với giảng viên

- Thiết kế các hoạt động phù hợp với đa dạng các phong cách học khác nhau: Những phát hiện của nghiên cứu này đã gợi ý rằng SV có thể thích cách học này hơn cách học khác, và do đó, giáo viên cần cân nhắc điều này khi đưa ra một bài học trực tuyến. Các video rất hữu ích ở các giai đoạn khác nhau của bài học để thu hút sự chú ý của học sinh, kích thích thảo luận tập trung, giới thiệu các chuyên gia về chủ đề cho học sinh, v.v. Ngoài ra, các câu đố kích thích suy nghĩ và tham gia vào quá trình học vì nó tạo ra thách thức cho học sinh và giúp học sinh hiểu bài tốt hơn., Thiết kế các hoạt động tạo ĐL bên trong và bên ngoài: ĐL bên trong thường được coi là hiệu quả hơn trong việc thúc đẩy học tập và thành tích. ĐL bên trong có thể được tăng cường trong lớp học bằng cách đưa ra thử thách, sự tò mò, trí tưởng tượng và khả năng kiểm soát; Tăng tương tác giữa các SV: Một trong những câu trả lời phổ biến nhất cho câu hỏi cuối cùng trong bảng câu hỏi về cách nâng cao ĐL học tiếng Anh trong HTKH là tăng cường tương tác giữa GV với SV và giữa các SV với nhau.

- Cung cấp phản hồi kịp thời: Không nhận được phản hồi hoặc phản hồi không kịp thời là hai rào cản được đề cập trong bảng câu hỏi. HTKH giúp GV cung cấp phản hồi dễ dàng hơn thông qua các câu đố trực tuyến và thảo luận trực tuyến. Ngoài ra, khi xem xét các yếu tố ĐL bên ngoài, khi đưa ra phản hồi, GV cũng nên thể hiện sự khích lệ của mình.

2.3.3. Đối với nhà trường

- Cung cấp đào tạo và hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ: Khảo sát cũng cho thấy việc thiếu kỹ năng sử

dụng hệ thống phân phối và kinh nghiệm sử dụng công nghệ hạn chế của SV tạo ra rào cản đối với SV. Trong tình huống mà cả GV và HS đều không có đủ kiến thức và kỹ năng để thích ứng với khóa học kết hợp, đào tạo chuyên sâu và hỗ trợ đáng kể là điều bắt buộc để đảm bảo sự thành công và hiệu quả của việc học kết hợp.

- Cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Do mô hình HTKT gồm các thành phần trực tuyến với sử dụng máy tính và công nghệ dựa trên web nên CSVC chất kém hoặc không đầy đủ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập của HS [1]. Như thể hiện trong bảng câu hỏi, SV coi việc thiếu hoặc kết nối Internet kém là rào cản đối với việc họ tham gia HTKH. Việc các trường trang bị CSVC, phần mềm công nghệ đáp ứng nhu cầu dạy và học là hết sức cần thiết. Cụ thể, phòng học cần được trang bị máy tính kết nối Internet, máy chiếu... Ngoài ra, để áp dụng dạy và học trực tuyến, cần cài đặt hệ thống quản lý tốt học tập trực tuyến.

3. Kết luận

Nghiên cứu này là một nghiên cứu quy mô nhỏ được thực hiện trên 225 SV của 6 chương trình khác nhau tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kết quả nghiên cứu có thể được chia thành ba phần chính là (1) yếu tố SV, (2) yếu tố GV và (3) yếu tố nhà trường.. Nghiên cứu cũng đưa ra các đề xuất (1) về phía SV như phát triển kỹ năng học tập độc lập, kỹ năng CNTT, (2) về phía giảng viên như thiết kế các hoạt động phù hợp với đa dạng các phong cách học khác nhau, thiết kế các hoạt động tạo ĐL bên trong và bên ngoài, tăng tương tác giữa các SV, cung cấp phản hồi kịp thời, và (3) về phía nhà trường như cung cấp đào tạo và hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ, và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyen, T. T. H. (2018). Factors affecting students' learning success in blended courses in tertiary education – A literature review. 2018 International Conference Proceedings Graduate Research Symposium Proceedings. p.193-208.

2. Ibrahim, M. M. & Nat, M. (2019) Blended learning motivation model for instructors in higher education institutions. International Journal of Educational Technology in Higher Education 16, 12. <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0145-2>

3. Bilal, M. Q., Kanwal, W. & Qamar, A. M. (2022) Blended learning perspectives and practices at higher education department colleges in Faisalabad. Journal of Management Practices, Humanities and Social Sciences, 6:4 61-70 <https://doi.org/10.33152/jmphss-6.4.7>